TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS - PT
Ngày 11-3-2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Chinh

Bà Lê Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:***

Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1947(Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Vực Phác, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

3.2. Chị Lê Thị T, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X2, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

3.3. Anh Lê Văn T, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

3.4. Anh Lê Văn P, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày:

Ông bà ngoại anh là ông Lê Trí R và bà Lê Thị K sinh được 04 người con là: Bà Lê Thị N2 (chết ngày 13/12/2009 là mẹ đẻ anh). Bà N2 sinh được 03 người con trai là Lê Văn T, Lê Văn P và Lê Văn B. Bà Lê Thị N (còn sống). Bà Lê Thị L2 (chết ngày 26/5/2003). Bà L2 sinh được 01 người con gái là Lê Thị T. Lê Thị L (còn sống).

Ông Lê Trí R chết ngày 05/11/1978. Bà Lê Thị K chết ngày 20/12/1982. Khi chết ông R, bà K không để lại di chúc. Di sản để lại là diện tích đất ở có từ trước năm 1980 tại thôn X, xã Y, huyện yên Định, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Hồ sơ theo chỉ thị 299 năm 1985: tại tờ bản đồ P6, thửa số 201, diện tích 200m^2 loại đất ở đứng tên bà Lê Thị L2. Thửa số 221, tờ bản đồ P6, diện tích 72m^2, có 2 loại hồ sơ: 1 loại hồ sơ theo sổ mục kê ghi đất ở có ghi là tạm giao, và 1 loại hồ sơ theo sổ đăng ký ruộng đất lại ghi là loại đất màu tạm giao đứng tên bà Lê Thị L2.

- Hồ sơ đo đạc địa chính năm 2000: Tại tờ bản đồ số 07, thửa 182, diện tích 163m^2 (là diện tích của thửa 201 đo theo hồ sơ 299) đứng tên bà Lê Thị N trong sổ mục kê. Còn thửa đất 221 theo bản đồ 299 không thể hiện trên bản đồ đo đạc năm 2000 nên không đứng tên ai, mà thửa đó đo vào diện tích đường.

- Theo hồ sơ đo đạc năm 2013: gồm có 2 thửa:

+ Thửa theo số liệu 299 (thuộc thửa 201) đến nay đo đạc năm 2013 thửa đó là thửa 317, tờ bản đồ số 20, diện tích 202.3m^2.

+ Thửa theo số liệu 299 (thuộc thửa 221) đến nay đo đạc năm 2013 thửa đó là thửa 316, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 62.4m^2.

Như vậy, theo hồ sơ đo đạc năm 2013, diện tích đất thửa 317 là 202.3m^2 và thửa 316 diện tích đất là 62.4m^2. Tổng diện tích là 264.7m^2.

Hiện nay toàn bộ diện tích này là di sản thừa kế do bà Lê Thị N đang quản lý. Mặc dù di sản chưa chia nhưng bà N đã tự ý, cố tình xây cất nhà ở (hiện đã xây được thành khung nhà), trong khi chưa được sự đồng ý, nhất trí của những người được hưởng thừa kế tài sản. Chưa đủ cơ sở pháp lý để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Anh B khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Ba anh em anh xin nhận 01 suất thừa kế mà mẹ anh là bà Lê Thị N2 được hưởng. Ba anh em anh xin nhận thừa kế bằng đất và xin được nhận phần đất của thửa đất số 317, phần phía Đông giáp đường xóm. Phần đất ở giữa giao cho chị T.

Phần đất phía Tây bà N đang xây nhà thì giao cho bà N. Thửa số 316 giao cho bà L. Ngoài ra, các anh đã thỏa thuận với chị T, chị T đồng ý nhường ½ suất thừa kế được hưởng cho 03 anh em anh. 03 anh em anh sẽ trả giá trị chênh lệch cho chị T. Đối với toàn bộ phần di sản được chia, đề nghị Tòa án chia đất cho anh, anh sẽ hoàn lại giá trị chênh lệch cho anh T và anh P.

- Tại bản tự khai ngày 05 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về họ tên bố mẹ bà, chị em bà cũng như họ tên các cháu như anh B khai trên là đúng.

Khi ông R, bà K còn sống ông bà có tài sản là 02 thửa đất tại thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa:

+ Thửa 317, từ bản đồ số 20, bản đồ năm 2013, diện tích 202.3m^2.

+ Thửa 316, từ bản đồ số 20, bản đồ năm 2013, diện tích đất 62.4m^2.

Tổng diện tích đất là 264.7m^2.

Khi còn sống, bố mẹ bà đã ra UBND xã Y sang tên cho bà. Năm 1975, ông R đã có giấy di chúc để lại toàn bộ mảnh đất cho bà. Sau đó, gia đình đã tổ chức họp gia đình nhiều lần, đều đồng ý giao toàn bộ đất cho bà. Bà là người đứng tên trong sổ mục kê của UBND xã Y và quản lý đất từ xưa đến nay, có sự chứng kiến của anh em họ hàng, và không ai kiện cáo gì. Bà là người nuôi bố mẹ và lo cho 02 em tâm thần, sống nuôi, chết mai táng. Hiện tại, bà đang xây dựng nhà thờ để thờ bố mẹ bà và xây tường rào bao quanh cả hai thửa đất. Toàn bộ 02 thửa đất đó là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà, không phải di sản thừa kế của bố mẹ bà. Vì vậy, bà không đồng ý chia thừa kế.

- Tại bản tự khai ngày 05 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị L trình bày:

Về họ tên bố mẹ bà, chị em bà cũng như họ tên các cháu như anh B khai trên là đúng.

Ông R, bà K chết không để lại di chúc. Ông R, bà K chết để lại di sản thừa kế là 02 thửa đất tại thôn X, xã Y. Tổng diện tích đất là 264.7 m^2. Toàn bộ di sản thừa kế do bà N đang quản lý.

Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, bà xin được nhận 01 suất thừa kế bằng đất là thửa đất số 316.

- Chị Lê Thị T, anh Lê Văn T và anh Lê Văn P trình bày:

Ông bà ngoại của chị là ông Lê Trí R và bà Lê Thị K sinh được 4 người con là Lê Thị N2 (đã chết), Lê Thị N, Lê Thị L2 (đã chết) và Lê Thị L. Bà Lê Thị N2

sinh được 03 người con là Lê Văn T, Lê Văn P và Lê Văn B. Mẹ chị là Lê Thị L2 sinh được 01 người con là chị.

Ông R, bà K chết không để lại di chúc. Ông R, bà K chết để lại di sản thừa kế là 02 thửa đất tại thôn X, xã Y. Tổng diện tích đất là 264.7 m^2. Toàn bộ di sản thừa kế do bà N đang quản lý.

+ Chị T đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Chị xin nhận 01 suất thừa kế mà mẹ chị là bà Lê Thị L2 được hưởng. Chị xin nhận thừa kế bằng đất và xin được nhận phần đất của thửa đất số 317, phần ở giữa. Phần đất phía Tây bà N đang xây nhà thì giao cho bà N. Phần phía ngoài giáp đường xóm giao cho các anh: anh B, anh P, anh T. Thửa số 316 giao cho bà L. Đối với phần đất chị được nhận, chị sẽ nhường lại ½ suất cho các anh: anh B, anh P, anh T. Các anh phải trả lại giá trị chênh lệch cho chị. Đối với ½ thửa đất còn lại chị nhường lại cho bà N. Năm 2016, chị đã nhận từ bà N số tiền 40.000.000đ. Nay chị không yêu cầu bà N thanh toán gì thêm.

+ Anh T và anh P đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông R, bà K theo quy định của pháp luật. Về quan điểm chia di sản thừa kế, các anh thống nhất với quan điểm của anh B. Ba anh em anh xin nhận 01 suất thừa kế mà mẹ anh là bà Lê Thị N2 được hưởng. Các anh xin nhận thừa kế bằng đất và xin được nhận phần đất của thửa đất số 317, phần phía Đông giáp đường xóm. Phần đất ở giữa giao cho chị T. Phần đất phía Tây bà N đang xây nhà thì giao cho bà N. Thửa số 316 giao cho bà L. Ngoài ra, các anh đã thỏa thuận với chị T, chị T đồng ý nhường ½ suất thừa kế được hưởng cho các anh. Các anh sẽ trả giá trị chênh lệch cho chị T. Về chia theo phần, các anh xin nhận 1/3 suất thừa kế và nhận giá trị bằng tiền, không nhận đất. Đề nghị Tòa án giao 01 suất đất thừa kế cho anh B, anh B có trách nhiệm trả giá trị chênh lệch cho các anh.

- Về giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá của Hội đồng định giá như sau: Thửa 317, từ bản đồ số 20, bản đồ năm 2013, diện tích 202.3m^2 có giá là 343.910.000đ. Thửa 316, từ bản đồ số 20, bản đồ năm 2013, diện tích đất 62.4m^2 có giá là 106.080.000đ. Tường rào bao quanh thửa số 317 có giá là 4.061.363đ. Tường rào bao quanh thửa số 316 có giá là 3.771.200đ. Tổng giá trị tài sản là 457.822.562đ.

Tại Bản án số 24/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 650; Điều 651; Điều 660 BLDS; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí

Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Lê Văn B.

- Xác nhận di sản thừa kế của ông Lê Trí R và bà Lê Thị K để lại là 02 thửa đất số 316, 317, tờ bản đồ số 20 (bản đồ năm 2013), có diện tích là 264.7 m^2, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tổng giá trị di sản là 449.990.000đ.

- Xác nhận diện hưởng thừa kế có 04 suất: Bà Lê Thị N2, bà Lê Thị N, bà Lê Thị L2 và bà Lê Thị L. Bà N2 chết, 03 người con của bà N2 là anh Lê Văn T, anh Lê Văn P và anh Lê Văn B được hưởng phần thừa kế của bà N2. Bà L2 chết, chị Lê Thị T là con được hưởng phần thừa kế của bà L2.

- Trích công sức duy trì, tôn tạo bảo quản di sản cho bà N tương ứng 1/4 suất thừa kế, là 15,5m^2 đất, có giá trị là 26.350.000đ.

- Kỷ phần thừa kế: Các thừa kế được hưởng di sản có giá trị như sau:

+ Bà N được chia phần trị giá là 132.260.000đ.

+ Bà L được chia phần trị giá là 105.910.000đ.

+ Chị T được chia phần trị giá là 105.910.000đ.

+ Anh B, anh T, anh P được chia phần trị giá là 105.910.000đ. Mỗi người được hưởng 1/3 kỷ phần thừa kế, trị giá là 35.303.300đ.

- Chia phần hiện vật cụ thể:

Chấp nhận nguyện vọng của chị T chuyển ½ suất thừa kế của mình bằng đất cho anh B, anh P, anh T. Chuyển 1/2 suất thừa kế của mình bằng đất cho bà N.

Giao cho anh B phần đất phía bên ngoài giáp đường thôn phía Đông của thửa 317. Có các cạnh phía Bắc rộng 5,2m, cạnh phía Nam rộng 5,8m, cạnh phía Tây 17,3m, cạnh phía Đông 16,97m, tổng diện tích 93,4m^2. Trên đất có tường rào bao quanh (hình S2).

Giao cho bà N phần đất phía Tây đã xây nhà có các cạnh: Phía Tây và Đông dài 17,67m, phía Bắc 5,6m, phía Nam 6,68m. Tổng diện tích là 108,9m^2 . Trên đất phía Bắc có tường rào (hình S1).

Giao cho bà L toàn bộ diện tích thửa đất 316 có diện tích 62,4m^2. Trên đất có tường rào bao quanh (hình S3).

Anh B, anh P, anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị T giá trị chênh lệch phần đất chị T nhường lại là 52.955.000đ.

Bà L được quyền sử dụng toàn bộ tường rào bao quanh thửa đất 316. Bà L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà N giá trị của tường rào bao quanh là 3.771.200đ.

Anh B, anh P, anh T được sử dụng phần tường rào bao quanh phần đất được chia. Chịu trách nhiệm thanh toán lại cho bà N giá trị của tường rào bao quanh là 3.242.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, nghĩa vụ thi hành án án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 10/12/2019, bị đơn là bà Lê Thị N kháng cáo với nội dung: Tuyên hủy Bản án DSST số 24/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của TAND huyện Yên Định. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Lê Văn B và các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giao cho bà được hưởng thừa kế toàn bộ đất của bố mẹ bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo:

Giấy di chúc ngày 02/12/1975 là bản phô tô, bà N không xuất trình được bản gốc. Bản di chúc không có người làm chứng, không được xác nhận của chính quyền địa phương, các đồng thừa kế không biết không thừa nhận có bản di chúc này nên bản di chúc này không có giá trị pháp lý.

Bà N kháng cáo cho rằng trong biên bản họp gia đình ngày 12/12/2011, bà L đã thống nhất giao phần thừa kế cho bà, bà đưa cho bà L 10 triệu đồng theo thỏa thuận, việc thỏa thuận này nằm ngoài phạm vi giải quyết của vụ án chia thừa kế. Quá trình sơ thẩm bà L đề nghị nhận kỷ phần bằng đất, tại phiên tòa phúc thẩm bà L đồng ý chia thừa kế, đồng ý với bản án sơ thẩm, nên thỏa thuận giữa bà N và bà L trước kia không liên quan đến việc chia thừa kế. Bà N có quyền thỏa thuận với bà L sau khi giải quyết xong vụ án chia thừa kế.

Bà N cho rằng ngày 24/8/2016, bà và chị T có ký biên bản thỏa thuận, chị T đồng ý nhường phần thừa kế cho bà, bà đưa cho chị T 40 triệu nên chị T mới rút đơn khởi kiện chia thừa kế, Tòa án Yên Định đã đình chỉ vụ án ngày 12/9/2016. Xét biên bản ngày 24/8/2016 thể hiện chị T không tranh chấp thửa đất với bà N, bà N có quyền làm các thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định. Việc thỏa thuận như vậy là trái quy

định vì hai thửa đất này không thuộc quyền sở hữu của chị T mà chị T chỉ có 1 phần, nên chị T không tự quyết định được. Xác nhận của UBND xã Y có nội dung chỉ xác nhận chữ ký của bà N, chị T trong biên bản thỏa thuận là đúng. Tại thời điểm ký thỏa thuận thửa đất chưa được chia thừa kế nên vẫn thuộc quyền sở hữu của các đồng thừa kế của cụ Rạo và cụ Khái. Việc thỏa thuận là sự tự nguyện giữa chị T và bà N, quá trình giải quyết sơ thẩm chị T được chia 1 kỷ phần thừa kế có giá trị là 105.910.000đ, chị T nhượng lại cho bà N ½ kỷ phần tương đương với 52.955.000đ là tương ứng với việc chị T đã nhận của bà N 40 triệu đồng theo lời khai của bà N. Còn ½ kỷ phần thừa kế cho anh B là sự tự nguyện của chị T nên cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của chị T là đúng quy định.

Bà N kháng cáo cho rằng, căn cứ giấy ủy nhiệm ngày 07/10/2011 có xác nhận của thôn trưởng là bà Trịnh Thị Dung ngày 02/10/2011 bà N2, bà L, bà L2 ủy nhiệm cho bà toàn quyền sử dụng đất. Việc ủy nhiệm toàn quyền sử dụng đất mà không được công chứng, chứng thực là không hợp lệ. Tại quá trình giải quyết bà L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được lấy kỷ phần bằng đất, bà N2, bà L2 chết không để lại di chúc nhường kỷ phần của mình cho bà N, nên kháng cáo của bà N không có căn cứ.

Theo xác minh tại UBND xã Y, huyện Yên Định, nguồn gốc đất là của ông Lê Trí R và bà Lê Thị K sử dụng từ trước năm 1985. Trong tờ bản đồ 299 năm 1985, 02 thửa đất là thửa số 102 và 106, do bà Lê Thị L2 đứng tên quản lý đất. Bà L2 là người ở trên đất, trực tiếp sử dụng đất. Trong sổ mục kê năm 2000, 02 thửa đất được kê đứng tên bà N, nhưng bà N chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong tờ bản đồ năm 2013, hai thửa đất là thửa số 316, 317 được xác định là đất đang tranh chấp, chưa ghi tên chủ sở hữu. Khi thực hiện kê khai đóng thuế, không có ai trực tiếp sử dụng 02 thửa đất tranh chấp nêu trên. Vì vậy UBND xã Y chưa kê khai thuế và không có ai đóng thuế đất cho đến nay. UBND xã xác nhận đến thời điểm hiện tại hai thửa đất trên là đất của cụ Rạo và cụ Khái, không phải đất của bà N. Do đó xác định tài sản thừa kế của cụ Lê Trí R và cụ Lê Thị K chết để lại tài sản là hai thửa đất số 316, 317, tờ bản đồ số 20 (bản đồ năm 2013), tổng diện tích hai thửa là 264.7 m^2, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Đối với phần đất chia cho anh B, anh T, anh P diện tích đất là 62,3m^2, trị giá là 105.910.000đ. Mỗi người được hưởng 1/3 kỷ phần thừa kế, trị giá là 35.303.300đ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh B, anh T, anh P thỏa thuận giao toàn bộ diện tích đất được thừa kế của mẹ và của chị T cho anh B nên chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các anh. Anh B được nhận 1/2 suất thừa kế của chị T là 31,15m^2 và 62,3m^2 của ba anh em nên tổng diện tích anh B được chia là 93,4m^2 .

Giao cho anh B phần đất phía bên ngoài giáp đường thôn phía đông của thửa 317; có các cạnh: phía Bắc rộng 5,2m, phía Nam rộng 5,8m, cạnh phía Tây dài 17,3m, phía Đông dài 16,97m. Trên đất có tường rào bao quanh. Toàn bộ đất thừa kế các anh B, anh T, anh P thỏa thuận giao cho anh B nên anh B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà N giá trị của tường rào. Do đó cần sửa phần tuyên chênh lệch tài sản như sau: Anh B có trách nhiệm thanh toán cho chị T giá trị chênh lệch phần đất chị T nhường lại cho anh B là 52.955.000đ. Anh B giao cho anh P, anh T mỗi người số tiền 35.303.300đ. Anh B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà N giá trị của tường rào bao quanh là 3.242.000đ

Từ những phân tích trên việc bà N đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên chênh lệch tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm chia đất cho các đương sự nhưng không tuyên các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án là chưa đầy đủ, cần rút kinh nghiệm và bổ sung vào quyết định của bản án phúc thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Kháng cáo của bà N không được chấp nhận nhưng bà N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Định về phần tuyên chênh lệch tài sản.

1. Căn cứ vào Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 650; Điều 651; Điều 660 BLDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Lê Văn B.

- Xác nhận di sản thừa kế của ông Lê Trí R và bà Lê Thị K để lại là hai thửa đất số 316 có diện tích 202,3m^2, thửa đất số 317 có diện tích 262,4m^2, tờ bản đồ số 20 (bản đồ năm 2013), tổng diện tích là 264.7 m^2; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện

Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tổng giá trị tài sản thừa kế là 449.990.000đ. Được chia cụ thể như sau: (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

+ Chia cho anh Lê Văn B phần đất phía bên ngoài giáp đường thôn phía Đông của thửa 317. Có các cạnh phía Bắc rộng 5,2m, phía Nam rộng 5,8m, phía Tây dài 17,3m, phía Đông dài 16,97m, tổng diện tích 93,4m^2. Trên đất có tường rào bao quanh (hình S2).

+ Chia cho bà Lê Thị N phần đất phía Tây của thửa 317 đã xây nhà; có các cạnh: Phía Tây dài 17,67m, phía Bắc rộng 5,6m, phía Nam rộng 6,68m, phía Đông dài 17,3m. Tổng diện tích là 108,9m^2. Trên đất phía Bắc có tường rào (hình S1).

+ Chia cho bà Lê Thi Liên toàn bộ diện tích thửa đất 316 có diện tích 62,4m^2 có các cạnh: phía Bắc rộng 4,23m, phía Nam rộng 2,25m, phía Đông dài 19,32m, phía Tây dài 19,34m. Trên đất có tường rào bao quanh (hình S3).

Anh B có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 52.955.000đ. Anh B giao cho anh P, anh T mỗi người số tiền 35.303.300đ.

Bà L được quyền sử dụng toàn bộ tường rào bao quanh thửa đất 316. Bà L có trách nhiệm thanh toán lại cho bà N giá trị của tường rào bao quanh là 3.771.200đ.

Anh B được sử dụng phần tường rào bao quanh phần đất được chia. Chịu trách nhiệm thanh toán lại cho bà N giá trị của tường rào bao quanh là 3.242.000đ.

Bà Lê Thị N, bà Lê Thị L, anh Lê Văn B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí DSPT: Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thủy